

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

ĐỀ TÀI: Quy luật đồng nhất và các lỗi logic khi vi phạm
các yêu cầu của quy luật đồng nhất

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Trần Thị Hoài Thu

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060284

Hà nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| MỞ ĐẦU | 3 |
| PHẦN I. LÝ LUẬN CHUNG | 6 |
| 1.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật..... | 6 |
| 1.2. Cơ sở của quy luật..... | 7 |
| 1.3. Ý nghĩa của quy luật..... | 7 |
| PHẦN II. LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN | 8 |
| 2.1. Liên hệ thực tế..... | 8 |
| 2.2. Liên hệ bản thân..... | 8 |
| KẾT LUẬN | 10 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 11 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quy luật này phản ánh tính ổn định, xác định của tư duy. Điều này có nghĩa là, trong quá trình hình thành của mình, một tư tưởng (khái niệm, phán đoán, lý thuyết, giả thuyết, ...) có thể thay đổi, nhưng khi đã hình thành xong thì không được thay đổi nữa. Nếu nó vẫn tiếp tục thay đổi thì logic hình thức sẽ coi nó là tư tưởng khác. Tính ổn định như vậy là điều kiện cần cho mọi quá trình tư duy. Mặc dù tư tưởng - cũng như mọi sự vật và hiện tượng khác -, luôn luôn vận động và biến đổi, nhưng nếu tuyệt đối hóa mặt biến đổi đó của tư tưởng thì không thể nào tư duy được. Một ý kiến được nói ra phải có nội dung không đổi ít nhất là trong cùng một quá trình tranh luận, trình bày ý kiến, chứng minh quan điểm, ... nghĩa là một quá trình tư duy, thì người ta mới có thể căn cứ vào nó để xét đoán đúng sai, hợp lý hay bất hợp lý, ...

Yêu cầu của quy luật này rất đơn giản. Tuy nhiên, để tuân thủ yêu cầu này không phải là dễ. Đồng nhất những cái gì và không đồng nhất những cái gì là dựa vào sự hiểu biết, dựa vào trình độ văn hóa của chủ thể tư duy, và dựa vào bối cảnh tư duy. Bởi vì, xét cho cùng, quy luật này đòi hỏi phải đồng nhất những thứ không đồng nhất. Chính điều này giải thích tại sao khi nghe một câu chuyện vui thì nhiều người bật cười nhưng một số người khác thì không. Người ta cười vì đã đồng nhất được những cái mà người kể muốn đồng nhất, còn nếu không làm được điều đó thì người ta không cười.

Quy luật đồng nhất là quy luật của tư duy hình thức, không nên nhầm lẫn rằng đây là quy luật của hiện thực khách quan bên ngoài tư duy. Quy luật đồng nhất, vì vậy, không dẫn đến việc phủ định nguyên lý biện chứng là sự vật và hiện tượng luôn luôn vận động và biến đổi, trong cùng một thời điểm một sự vật vừa chính là nó vừa không phải là nó. Tư duy hình thức phản ánh hiện thực khách quan một cách lý tưởng[1], phản ánh hiện thực khách quan trong sự đứng im tương đối của nó, bỏ qua sự vận động và biến đổi của nó, phản ánh các sự vật và hiện tượng trong sự tách rời ra khỏi các sự vật và hiện tượng khác. Một sự vật của hiện thực khách quan có thể được tư duy phản ánh từ nhiều góc độ khác nhau, tạo nên những đối tượng khác nhau trong tư duy.

Quy luật đồng nhất là quy luật vô cùng quan trọng của logic hình thức. Nếu như các quy luật khác có thể đúng trong một số hệ logic hình thức và không đúng trong một số hệ logic hình thức khác thì cho đến nay chưa ai xây dựng được hệ logic hình thức nào có giá trị mà trong đó quy luật đồng nhất không đúng. Vì vậy chúng ta cần nắm vững quy luật đồng nhất trong tư duy.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích của môn học là nhằm giúp người học có tư duy đúng đắn trên con đường nhận diện chân lý, việc giảng dạy Logic học trong ngành Luật hiện nay đang được xây dựng theo hướng rèn luyện kỹ năng tư duy logic trong thực tế, chú trọng kỹ năng thực hành hơn lý thuyết môn học. Nhờ chú trọng đưa các tình huống luật liên quan vào giảng dạy, sinh viên dần học cách dùng công cụ logic học để thúc đẩy và chính xác hóa quá trình tư duy. Việc nắm vững kiến thức logic không chỉ giúp sinh viên phản ứng nhanh nhạy với các tình huống đời thường mà còn giúp hỗ trợ các em xử lý nhạy bén và đúng đắn các tình huống có thể có trong quá trình học tập, giúp nâng cao chất lượng học cũng như cải thiện chính chất lượng điểm số của

bản thân sinh viên. Ngành Luật là ngành gần như gắn liền với số phận của con người đòi hỏi người hành nghề cần có những nhận định, quyết định mang tính minh bạch, chính xác và công bằng cao. Khi còn ngồi trên ghế giảng đường, sinh viên được thực hành và rèn luyện những kiến thức chuyên ngành thông qua các hoạt động giảng dạy, thảo luận trên lớp và được đánh giá bằng các hình thức kiểm tra. Trong đó, hình thức kiểm tra chính là thước đo phản ánh chân thực và chính xác nhất năng lực nhận thức của sinh viên đối với ngành học của mình. Việc kiểm tra không chỉ mang ý nghĩa đánh giá chất lượng dạy và học mà còn là những bước tập dượt căn bản ban đầu cho sinh viên quen với việc ứng phó với các tình huống chuyên ngành liên quan có thể gặp phải trong công việc sau này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Quy luật đồng nhất nghiên cứu các hình thức logic của tư duy, vạch ra những qui tắc, qui luật của quá trình tư duy. Qua đó khẳng định tính đúng đắn của tư duy. Tuân theo các qui tắc, qui luật là điều kiện cần để đạt tới chân lí trong quá trình phản ánh hiện thực.

4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng của logic học là nghiên cứu hình thức, qui luật, các qui tắc tư duy đúng đắn. Muốn hiểu biết đúng đắn các hình thức, các qui luật, các qui tắc của tư duy, chúng ta phải phân tích kết cấu logic của tư tưởng được thể hiện trong đó, nghĩa là phải chỉ ra được các bộ phận, các yếu tố cấu thành và các kiểu liên kết đúng của tư tưởng.

Việc phân chia một sự vật phức tạp thành các mặt phải dùng các kí hiệu để chỉ các thành phần, các yếu tố và các kiểu liên kết. Việc kí hiệu hóa một quá trình tư tưởng phức tạp, làm rõ kết cấu của nó như vậy được gọi là sự hình thức hóa kết cấu logic của tư tưởng.

Vậy phương pháp cơ bản mà người ta sử dụng trong là phương pháp phân tích và hình thức hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Quy luật đồng nhất phản ánh tính nhất quán, xác định của tư tưởng. Một mặt nêu tư tưởng không được xác định thì không thể có tư tưởng. Mặt khác trong quá trình tư duy, chúng ta có thể mắc sai lầm khi vô tình thay đổi khái niệm hay cố ý đánh tráo khái niệm. Khi đó, quy trình tư duy của chúng ta đã vi phạm quy luật đồng nhất và tư duy của chúng ta không đúng đắn, dẫn tới các mâu thuẫn logic.

Quy luật đồng nhất không cản trở sự vận động, phát triển của thế giới khách quan, cũng như sự thay đổi nội dung tư tưởng của con người để phản ánh đúng đắn thế giới đó trong những hoàn cảnh thời gian, không gian và những mối quan hệ khác nhau. Bởi vì để phản ánh thế giới hiện thực khách quan đang vận động, phát triển, tư tưởng của con người cũng cần không ngừng biến đổi cho phù hợp với sự biến đổi của thế giới đó.

Yêu cầu của quy luật đồng nhất đối với tư duy là sự phản ánh về sự vật, hiện tượng ở những phẩm chất nhất định và trong thời điểm xác định thì tư tưởng đó phải rõ ràng và chính xác trong suốt quá trình tư duy và rút ra kết luận, chúng ta không được thay đổi nội dung tư tưởng đó. Nếu chúng ta cố tình thay đổi tư tưởng, khái niệm này bằng tư tưởng, khái niệm khác thì chúng ta đã rơi vào sự nguy hiểm. Còn trường hợp tư duy vô tình đánh tráo đối tượng của tư tưởng thì tư duy này phạm lỗi ngộ biện.

Nhận thức tuân theo quy luật đồng nhất giúp tư duy rõ ràng, chính xác và nhất quán, tránh được những sai lầm không cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nhận thức và thực tiễn.

PHẦN I. LÝ LUẬN CHUNG

1.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật

Nội dung: Một tư tưởng, khi đã định hình, phải luôn là chính nó trong một quá trình

tư duy : $A = A$.

- Căn cứ của quy luật phản ánh tính ổn định, xác định của tư duy:

Trong quá trình hình thành, một tư tưởng (khái niệm, phán đoán, lý thuyết, giả thuyết...) có thể thay đổi, nhưng khi đã hình thành xong thì không được thay đổi nữa.

Nếu tiếp tục thay đổi thì logic hình thức coi nó là tư tưởng khác.

Tính ổn định là điều kiện cần cho mọi quá trình tư duy.

Tuyệt đối hóa mặt biến đổi của tư tưởng thì không thể tư duy.

Một ý kiến phải có nội dung không đổi ít nhất là trong cùng một quá trình tranh luận, trình bày ý kiến, chứng minh quan điểm... (một quá trình tư duy), thì mới có thể căn cứ vào nó để xét đoán đúng sai, hợp lý hay bất hợp lý...

- Yêu cầu của quy luật

Tư tưởng được sáng tỏ: phạm vi, điều kiện trong một quá trình tư duy.

Yêu cầu 1:

Một từ chỉ được dùng trong suy luận với một nghĩa duy nhất, một khái niệm, một tư tưởng... không được thay đổi nội dung.

Nếu một tư tưởng xuất hiện nhiều lần trong một quá trình tư duy thì tất cả những lần xuất hiện đó nó phải có cùng một nội dung, một giá trị chân lý.

Từ ngữ, tư tưởng được dùng với một nghĩa, một nội dung một giá trị chân lý duy nhất.

Vi phạm yêu cầu này, tư duy sẽ không nhất quán, lẫn lộn và người khác sẽ không hiểu.

Yêu cầu 2:

Những từ ngữ khác nhau có cùng nội dung, những tư tưởng tương đương về mặt logic, có cùng giá trị chân lý, phải được đồng nhất với nhau trong quá trình suy luận.

Vi phạm yêu cầu này, không rút ra được thông tin cần thiết.

Yêu cầu 3:

Phạm vi ứng dụng phải được cụ thể hóa. Đồng nhất những cái gì và không đồng nhất những cái gì là dựa vào sự hiểu biết, dựa vào trình độ văn hóa của chủ thể tư duy, và dựa vào bối cảnh tư duy. Bởi vì, xét cho cùng, quy luật này đòi hỏi phải đồng nhất những thứ không đồng nhất.

Các loại đồng nhất khác nhau:

Đồng nhất tư tưởng với tư tưởng (1)

Đồng nhất tư tưởng với đối tượng trong hiện thực (2)

Đồng nhất đối tượng trong hiện thực với đối tượng trong hiện thực (3).

(1) là cơ sở cho (3). Điều này làm cho phạm vi ứng dụng của quy luật này được mở rộng hơn nhiều.

Yêu cầu 4:

Không được nhầm lẫn quy đồng nhất của tư duy hình thức với quy luật hiện tượng khách quan.

Quy luật đồng nhất không phủ định nguyên lý sự vật hiện tượng luôn luôn vận động, biến đổi.

Tư duy hình thức phản ánh hiện tượng khách quan trong sự đứng im tương đối, trong sự tách rời. Một hiện tượng khách quan được tư duy phản ánh từ nhiều góc độ, tạo nên nhiều đối tượng trong tư duy. Nếu hai sự vật A và B có chung một tính chất thì tư duy có thể phản ánh tính chất chung đó tạo thành hai đối tượng khác nhau nhưng được đồng nhất trong dù chúng không hoàn toàn giống nhau (trong một mối quan hệ nhất định).

Yêu cầu 5:

Nghiêm cấm nguy hiểm: Cố tình đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng để phục vụ cho ý đồ sai trái, hoặc do thiếu hiểu biết, nắm không đầy đủ nội hàm và ngoại diên của các khái niệm, các thuật ngữ, ký hiệu chuyên môn...

Trong các văn bản, trong ngành khoa học cần phải định nghĩa, chú thích rõ ràng tất cả các khái niệm, các thuật ngữ, các ký hiệu riêng.

1.2 cơ sở của quy luật

Xuất phát từ tính xác định của tư tưởng, sự phản ánh tính xác định, tính ổn định tương đối về chất của SVHT được phản ánh

Sự vận động, biến đổi, phát triển của thế giới khách quan không phải vô trật tự, lộn xộn mà theo các quy luật xác định.

Mỗi SVHT bao giờ cũng có đặc điểm riêng, tính chất riêng. Nó đồng nhất với chính nó chừng nào chưa chuyển sang chất mới.

=> Trong quá trình tư duy luôn phải xác định đúng và giữ nguyên đối tượng phản ánh, không được tùy tiện thay đổi hoặc lẫn lộn đối tượng, không được đánh tráo đối tượng.

1.3. Ý nghĩa của quy luật

Nhận thức đúng quy luật đồng nhất góp phần rèn luyện tư duy chính xác, giúp quá trình tư duy mạch lạc, có tính xác định chắc chắn và nhất quán.

Là cơ sở để đánh giá, phê phán quan điểm sai trái.

Giúp rèn luyện bản thân về khả năng nói, viết, lập luận hoặc triển khai văn bản.

Có vai trò quan trọng trong nhận thức khoa học.

PHẦN II. LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN

2.1. Liên hệ thực tế

+ Lỗi 1: “mãi mãi không thay đổi”

Ví dụ: nếu năm 1983 chúng ta nhận định kinh tế Trung Quốc luôn là nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, khó có hy vọng thay đổi thì chỉ sau 4 năm, năm 1987 Trung Quốc đã chuyển đổi 70% sang thành kinh tế thị trường tự do.

Khó có thể hạn chế hay khẳng định những ngữ cảnh khác nhau áp dụng chỉ một cách duy nhất. Logic hình thức trong sâu xa không xem xét đến yếu tố thay đổi theo thời gian. Chúng ta phải tự xoay sở đối xử với sự thay đổi liên tục của thế giới và cả chính những kết quả, cách thức tư duy của chúng ta. Và đó làm nảy sinh lỗi suy nghĩ ta thường xuyên rơi vào. Lỗi này còn xuất hiện trong nhiều tình huống khác nhau, (đặc biệt là với những sự vật, hiện tượng vận động đa dạng) dẫn đến những kết luận nhanh chóng có thể là những sai lầm. "Mãi mãi không thay đổi" là một lỗi mang đầy tính chất bảo thủ, tự coi mình là tiên tri trong mọi việc suy xét thực tế.

+ Lỗi 2 : nhìn nhận một quá trình lâu dài như một sự kiện nhất định.

Ví dụ: chỉ diễn ra 1 sự kiện là một cuộc hội thảo bàn về phòng chống tội phạm tạo cho nhiều người cảm nghĩ chúng ta có một quá trình tích cực chống tội phạm lâu dài.

Quá trình được xem như chuỗi các sự kiện diễn ra liên tiếp, mỗi sự kiện lại được xem xét như một thay đổi. Chúng ta nghĩ về một sự kiện như là một quá trình ngắn hay một thời điểm. Bởi vậy trong ngôn ngữ chúng ta cũng thường dùng danh từ để chỉ sự kiện bắt nguồn từ một động từ. Lỗi này xuất hiện từ việc chúng ta dừng thời gian và coi tư duy với các sự vật, hiện tượng, quá trình là đồng nhất. Vấn đề là chúng ta cần định nghĩa kỹ những ranh giới xác định cho một sự kiện vẫn là nó.

+ Lỗi 3: giải quyết vấn đề bằng các định nghĩa lại nó

Ví dụ : suy luận “Vật chất luôn vận động. Cái ghế này là vật chất sao chẳng thấy di chuyển gì?”. Khái niệm Vật chất, vận động trong triết học đã bị đánh tráo thành khái niệm vật chất, vận động của đời thường. Khi thay đổi khái niệm như vậy, chúng ta đã vượt khỏi ranh giới vận dụng đúng đắn nguyên lý của Logic hình thức.

Con người sử dụng và phụ thuộc vào những từ ngữ trừu tượng do mình sinh ra. Một từ đơn giản chưa chắc đã là dễ hiểu, nhất là nó thay đổi theo tình huống sử dụng, định nghĩa nó. Chúng ta có thể làm biến mất vấn đề, đảo ngược vấn đề khi phân loại lại nó vào trong một phạm trù khác, lĩnh vực kiến thức, môi trường văn hoá khác. Logic hình thức hàm ý là không được thay đổi các khái niệm theo định nghĩa lại, phân loại lại chúng khi đang tiến hành quá trình tư duy. Điều này không tất yếu làm thay đổi điều kiện. Hiểu sai những thuộc tính cơ bản của khái niệm hay mức độ hiểu biết thiếu sâu sắc khái niệm cũng thường dẫn đến thay đổi khái niệm và là nguyên nhân nảy sinh lỗi loại 3 này.

2.2. Liên hệ bản thân

Trong quá trình học tập môn logic học và nghiên cứu về quy luật đồng nhất, tôi đã có những hiểu biết nhất định về quy luật này nói riêng và môn logic nói chung. Quy luật đồng nhất là cơ sở để biểu đạt tư tưởng một cách rõ ràng, mạch lạc, thông qua đó người khác có thể hiểu được vấn đề mà mình trình bày và có thể trao đổi tư tưởng cho nhau một cách thuận lợi. Nghiên cứu quy luật này là điều kiện để mỗi người rèn luyện tư duy đồng nhất của mình đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc, chính

xác. Đồng thời biết phát hiện lỗi tư duy không đồng nhất của chính bản thân mình và người khác. Vì vậy, việc tuân theo quy luật này đảm bảo tính nhất quán trong tư tưởng. Điều này là điều kiện cơ bản trong tư duy của một người làm luật. Chắc hẳn chúng ta đã từng nghe đến học luật sau này khó xin việc. Học luật không nhất thiết phải đi làm luật sư, cơ hội của người làm luật rất đa dạng như làm trong cơ quan nhà nước (viện kiểm sát, văn phòng công chức, tư pháp hộ tịch,.....) hoặc các công việc khác như giảng viên, tài chính, Ngoài ra nhiều người còn rất thành công khi làm trái ngành.

Học luật không nhất thiết là phải trở thành luật sư nên sinh viên luật không phải thầy cãi và không phải luật sư nào cũng cãi giỏi. Nhưng có một điều chắc rằng sinh viên luật có một tư duy, cách lập luận nhạy bén, rõ ràng và đầy tính thuyết phục. Ngày nay, trong cuộc sống luôn có sự tranh cãi, xung đột, chính vì thế mà ngành luật ra đời. Ngành luật là một trong những ngành nghề phổ biến và không thể thiếu của xã hội hiện nay. Luật không chỉ dùng để giải quyết vấn đề xung đột trong xã hội mà còn là công việc giải quyết các thắc mắc hay tư vấn về pháp luật. Học luật là để làm việc, để cống hiến, để bảo vệ công lý và bảo vệ chính mình trước khuôn khổ của pháp luật.

KẾT LUẬN

Tuân theo quy luật đồng nhất là đảm bảo cho tư duy có tính xác định. Một mặt, đòi hỏi tính xác định của khái niệm phản ánh chính xác đối tượng, nghĩa là chừng nào sự vật còn là nó chưa chuyển hóa thành sự vật khác thì nội hàm của khái niệm về sự vật đó vẫn phải được giữ nguyên. Mặt khác, quy luật đồng nhất cũng đòi hỏi trong khi sử dụng hệ thống các khái niệm để xem xét đối tượng luôn phải suy nghĩ trong phạm vi của đối tượng đó. Vì vậy, quy luật đồng nhất là quy luật đặc trưng của logic hình thức, là điều kiện cơ bản và xuất phát điểm cho quá trình nhận thức đúng đắn, chính xác về đối tượng phản ánh và là nhân tố đảm bảo cho tư duy chính xác, mạch lạc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình logic học đại cương trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
2. Giáo trình logic học trường Đại học Luật Hà Nội
3. Lê Ngọc Thông – Các quy luật cơ bản của tư duy logic hình thức.
4. Phạm Đình Nghiệm – Nhập môn logic học – Nxb. Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (2008).